

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2020/HC-ST

Ngày: 26/11/2020

*V/v: Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thuý Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền là Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Tuyết Mai - KSV

Trong các ngày 24 và 26/11/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2018/TLST-HC ngày 28/9/2018 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2020/QĐXXST-HC ngày 26/10/2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1954; có mặt tại phiên toà, vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: Thôn Y.K, xã T.A, huyện B, Hà Nội;

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quang Khuyên, chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện B; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.A, huyện B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Văn Đạt, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T.A; có mặt tại phiên toà, vắng mặt khi tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

UBND xã T.A, huyện B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Văn Đạt, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T.A; có mặt tại phiên toà, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng L trình bày:**

Vào cuối năm 2013 UBND huyện B và UBND xã T.A có thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa tại Thôn Y.K, xã T.A. Trước khi dồn điền đổi thửa, xã T.A và cán bộ Thôn Y.K có tổ chức họp dân thông báo về kế hoạch dồn điền đổi thửa nhưng ông không biết là thực hiện theo văn bản nào. Trong quá trình dồn điền đổi thửa thì tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K không trực tiếp đi điều tra thống kê các loại đất mà chỉ căn cứ vào sổ sách của thôn. Với trường hợp của ông trước khi dồn điền đổi thửa ông có 02 phần đất:

1- Phần đất được giao theo nghị định 64 (7 sào) thì đã được dồn đổi và giao đầy đủ về phần đất này.

2- Phần đất do ông vỡ hoang từ năm 1980 đến năm 2013 trên bản đồ 299 thể hiện:

- Tờ bản đồ số 17 Thôn Y.K: thửa số 02 và số 03 tổng diện tích là 360m².
- Tờ bản đồ số 12 Thôn Y.K là thửa đất ven đồi ông khai hoang để trồng sắn. Diện tích khoảng 360m² không được thể hiện số liệu ở bản đồ 299.

Tổng diện tích ông khai hoang là 720m² từ năm 1980. Quá trình sử dụng từ 1980-2013 không có chạnh chấp với ai, sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, trồng hoa màu). Trong quá trình sử dụng UBND xã không thu thuế hay sản phẩm gì. Ông không có giấy tờ gì liên quan đến diện tích đất này nhưng ông có xác nhận của các hộ sinh sống từ lâu tại địa phương. Xác nhận ông sử dụng từ năm 1980 đến năm 2013. Đến khi dồn điền đổi thửa thì tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K đã thực hiện hành vi thu hồi đất của ông với lý do dồn điền đổi thửa mà không có quyết định hay thông báo về việc thu hồi đối với diện tích đất này, không tiến hành kiểm đếm tài sản và đo đạc diện tích đất của ông. Sau khi bị thu hồi ông không được trả lại diện tích đất tương ứng và bồi thường. Theo quy định của dồn điền đổi thửa thì ông phải được giao lại 720m² tại một thửa khác. Đầu năm 2018 ông khiếu nại đến UBND xã T.A. Tại quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/04/2018 Chủ tịch UBND xã T.A đã trả lời khiếu nại. Ông không đồng ý và khiếu nại lên UBND huyện B. Tại quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 23/07/2018 Chủ tịch UBND huyện B đã trả lời khiếu nại lần 2. Ông không đồng ý với 02 quyết định trên nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội vì lý do không trả lại 720m² đất nêu trên. Đề nghị Tòa án hủy các quyết định:

- Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/04/2018 của Chủ tịch UBND xã T.A.
- Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 23/07/2018 của Chủ tịch UBND

huyện B.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND huyện B trình bày:

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-HU ngày 25/6/2012 của BCH Đảng bộ huyện B về tiếp tục thực hiện công tác dồn điền đổi thửa gắn với xây dựng nông thôn mới đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

Trên cơ sở Đề án số 113/ĐA-UBND ngày 06/7/2012 của UBND huyện B đề án dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện B giai đoạn 2012-2016. UBND xã T.A đã xây dựng phương án dồn điền đổi thửa và được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 25/10/2013.

Ngày 20/4/2013, Đảng ủy xã T.A ban hành Quyết định số 08-QĐ/ĐU về việc thành lập tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K.

Tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K đã họp và thống nhất lấy ý kiến đóng góp của nhân dân vào các ngày 06/6/2013; 07/7/2013; 22/7/2013; 29/8/2013; 31/8/2013; 08/10/2013; 29/10/2013 và 09/12/2013.

Tại hội nghị ngày 09/12/2013, nhân dân đồng tình ủng hộ với kế hoạch của tiểu ban dồn điền đổi thửa đưa ra, cụ thể:

+ Tỷ lệ cắt đất để làm các công trình phúc lợi là 0,66% (tương đương với mỗi 1 sào đất có trong sổ đỏ phải trừ đi 24 m²);

+ Tiểu ban không tổ chức bốc thăm mà tự điều ghép ruộng theo phương châm các hộ dồn ghép vào 2 xứ đồng hiện đang có diện tích chủ lực (diện tích lớn);

+ Ưu tiên ruộng gần nhà gia đình đang canh tác.

+ Đất trong dự án GPMB sông Tích giữ nguyên.

+ Ưu tiên những hộ gia đình tự dồn đổi trước.

+ Những diện tích đất quỹ 2, đất công, đất hoang hoá dồn lại 1 khu bàn giao về UBND xã quản lý.

Công tác dồn điền đổi thửa của hộ ông Nguyễn Trọng L

***Đối với diện tích được giao:** Diện tích ông L được giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và Quyết định 250/QĐ-UBND ngày 03/8/1992 của UBND tỉnh Hà Tây, sau dồn điền đổi thửa, gia đình ông L đã nhận đủ diện tích, không có ý kiến gì.

**** 02 thửa đất khu Đầu cầu Suối Hai***

- Theo bản đồ 299, thửa số 02, 03 thuộc tờ bản đồ số 17, ghi đất lúa.

- Quá trình sử dụng đất: Tại biên bản làm việc ngày 15/3/2018 giữa UBND xã T.A và ông L. Ông L khẳng định 02 thửa này là đất quỹ 2 của gia đình ông sử dụng từ năm 1980. Quá trình sử dụng có đóng thuế cho thôn đến khi được miễn thuế nông nghiệp thì gia đình không đóng nữa.

- Các đồng chí lãnh đạo Thôn Y.K khẳng định: Diện tích thửa đất số 02, 03, tờ bản đồ số 17 thuộc quỹ đất 2 của UBND xã giao cho thôn, nhưng do diện tích này khó giao (vì đất thụt) nên thôn không giao cho ai, các hộ tự sử dụng không nộp thuế.

** 02 thửa đất khu Sóc Đồn*

- Thửa số 212, tờ bản đồ số 12, diện tích: 115 m² tại bản đồ 299 ghi là Lúa Màu.

- Thửa không ghi tên, tờ bản đồ số 12, diện tích 238 m² tại bản đồ 299 không ghi gì.

- Quá trình sử dụng đất: Theo sổ sách lưu giữ thì gia đình ông L được lãnh đạo Thôn Y.K giao đất quỹ 2 từ năm 1997. Hàng năm có nộp sản phẩm (quỹ ngân sách) nộp về ngân sách nhà nước. *(UBND xã cung cấp danh sách nộp tiền đất quỹ 2 từ năm 2006 đến năm 2013).*

Diện tích 02 thửa đầu cầu Suối Hai và 02 thửa tại xứ đồng Sóc Đồn là đất quỹ 2 do UBND xã giao cho Thôn Y.K quản lý. Thôn Y.K quản lý chưa chặt chẽ dẫn đến việc khiếu nại của ông Nguyễn Trọng L. Sau đồn điền đổi thửa, diện tích đất quỹ 2 dồn về một khu chưa giao cho ai. Do đó đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng L là không có cơ sở.

Đất công ích Ủy ban không thực hiện giao đất cho công dân được mà phải theo thủ tục đấu giá cho thuê thầu quy định tại điều 118 Luật đất đai 2013. Quyết định 1873/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện B giữ nguyên nội dung giải quyết tại quyết định số 43/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã T.A. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

2. Chủ tịch và UBND xã T.A trình bày:

Căn cứ hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại UBND xã: Trước khi đồn điền đổi thửa gia đình ông Nguyễn Trọng L kê khai có 10 thửa đất như sau:

- + Thửa số 17, tờ bản đồ số 06, diện tích 445m².
- + Thửa số 73a, tờ bản đồ số 06, diện tích 320m².
- + Thửa số 171a, tờ bản đồ số 12, diện tích 165m².
- + Thửa số 33, tờ bản đồ số 01, diện tích 600m².
- + Thửa số 195, tờ bản đồ số 01, diện tích 96m².
- + Thửa số 202, tờ bản đồ số 01, diện tích 120m².

+ Thửa số 214B, tờ bản đồ số 07, diện tích 204m².

+ Thửa số 170, tờ bản đồ số 12, diện tích 150m².

08 thửa đất này có tổng diện tích 2.100m² đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSD đất số xê ri O 014273.

+ Thửa số 127, tờ bản đồ số 8, diện tích 338m².

+ Thửa số 99, tờ bản đồ số 9, diện tích 310m².

Là đất 10% đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận số xê ri A92483 cấp ngày 28/8/1991.

Trong tổng số 10 thửa đất trên có 02 thửa thuộc quy hoạch dự án sông Tích nên không dồn điền đổi thửa là thửa số 33, tờ bản đồ số 01, diện tích 600m² và thửa số 202, tờ bản đồ số 01, diện tích 120m². Năm 2013 thực hiện dồn điền đổi thửa gia đình ông L cho con rể là Đặng Văn Thu thửa số 17, tờ bản đồ số 06, diện tích 445m² và thửa số 73a, tờ bản đồ số 06, diện tích 320m².

Như vậy tổng diện tích còn lại của ông Nguyễn Trọng L đưa vào phương án dồn điền đổi thửa là 1.263m². Sau khi trừ diện tích cắt đất làm giao thông thủy lợi nội đồng theo kế hoạch đã họp dân, tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K giao cho gia đình ông L thửa số 7 - 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.128m², thuộc xứ đồng Ao Làng. Gia đình ông L đã nhận ruộng và canh tác ổn định từ năm 2013 đến nay. Tuy nhiên năm 2016 thực hiện cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận QSD đất sau dồn điền đổi thửa gia đình ông L không ký hồ sơ nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Nguyên gốc 02 sào đất ông L khiếu nại

Hồ sơ quản lý diện tích đất quỹ 2 của Thôn Y.K, ông Nguyễn Trọng L có quản lý 02 thửa đất quỹ 2 ở Sóc Đồn là thửa số 212, tờ bản đồ số 12, diện tích 115m², loại đất lúa màu và một thửa không ghi rõ số thửa chỉ ghi xứ đồng Sóc Đồn, tờ bản đồ số 12, diện tích 238m², loại đất 1 vụ thôn quản lý (02 thửa đất này Thôn Y.K quản lý đất quỹ 2 từ trước tháng 03 năm 2006). Từ năm 2006 đến năm 2013 gia đình ông L vẫn nộp thuế đầy đủ. Đây không phải là diện tích đất được giao theo Nghị định 64/CP và quyết định 250/QĐ của UBND tỉnh Hà Tây. Tuy nhiên ông L khẳng định đất quỹ 2 có vị trí thuộc thửa số 02 và 03 tờ bản đồ số 17 với tổng diện tích là 360m², ở Đầu Cầu Suối Hai. Diện tích đất này không có trong danh sách diện tích đất quỹ 2 thôn quản lý và không phải là diện tích đất được giao theo Nghị định 64 và quyết định 250 của UBND tỉnh Hà Tây. Gia đình ông L không có giấy tờ gì chứng minh diện tích đất này. 02 thửa đất này nằm trong khu vực đất nông nghiệp quỹ công khó giao vì trước đây thôn để lại không giao cho ai vì diện tích đất này thụt (tổng diện tích khoảng 1 mẫu). Năm 2013 khu vực này nằm trong kế hoạch dồn điền đổi thửa của Thôn Y.K và tiểu ban đã giao ruộng sau dồn điền đổi thửa cho hộ ông Nguyễn Văn Minh, Vũ Văn Thông, Hoàng Văn Hải và Chu Văn Hùng sử dụng.

Vị trí thửa đất ông L cho rằng đất quỹ 2 tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K lấy ra giao cho ông Nguyễn Văn Hậu thuộc một phần của thửa số 215, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.690m² thửa đất này được khẳng định là đất đường bờ ruộng và mương thoát nước đất thuộc UBND xã quản lý không phải là đất khai hoang của ông L.

Ông L khiếu nại tiểu ban dồn điền đổi thửa giao thiếu 02 sào đất khai hoang tại xứ đồng đầu cầu Suối Hai và Sóc Đồn là không đúng. Chủ tịch UBND xã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 43/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu đề nghị hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 43/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 và quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 23/7/2018. Ông L cho rằng ông đã sử dụng 02 sào đất tại đầu cầu Suối Hai và xứ đồng Sóc Đồn trước ngày 1/7/2004 nên căn cứ điều 101 Luật đất đai năm 2013 và khoản 4 điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thửa đất này được công nhận quyền sử dụng đất. Nay UBND xã lấy đất thực hiện dồn điền đổi thửa thì phải giao lại cho ông diện tích đất khác tương đương.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính thuộc Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội, thời hiệu khởi kiện đảm bảo.

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Thửa số 02, 03 tờ bản đồ số 17 ở đầu cầu Suối Hai và 01 thửa ở Sóc Đồn thuộc tờ bản đồ số 12, không ghi số thửa đất là diện tích thuộc đất quỹ 2 do UBND xã T.A quản lý. Sau khi dồn điền đổi thửa gia đình ông L đã được giao 1.676,5m² ở xứ Ao Làng và xứ Đồng Chỗ. Ông L cho rằng đây là đất do ông vỡ hoang nhưng không cung cấp tài liệu chứng minh xác lập quyền sở hữu đối với thửa đất trên. Do đó, xác định diện tích đất tranh chấp là đất công thuộc UBND xã T.A quản lý.

Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1873/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 nội dung giữ nguyên nội dung 1 Quyết định 43/QĐ – UBND ngày 18/4/2018; giao diện tích đất tranh chấp cho UBND xã T.A quản lý và yêu cầu UBND xã thực hiện cho thuê thầu theo quy định của Luật đất đai 2013. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 43/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã T.A, Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện B là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, cần kiến nghị UBND xã T.A, huyện B, Hà Nội khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 43/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 về hình

thức văn bản tại phần đầu ghi “Ủy ban nhân dân xã T.A” là không đúng mà phải là “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.A”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị:

Căn cứ Điều 3; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật Khiếu nại 2011; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016,

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng L.
- Về án phí: HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

Về tố tụng:

[1]. Về việc vắng mặt Chủ tịch UBND huyện B, đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, căn cứ điều 157 Luật Tổ tụng hành chính, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Ngày 18/4/2018 Chủ tịch UBND xã T.A ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 43/QĐ-UBND về việc Tiểu ban dồn điền đổi thửa không giao đất quỹ 2 cho ông Nguyễn Trọng L. Không đồng ý với quyết định số 43/QĐ-UBND, ông L khiếu nại. Ngày 23/7/2018 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định 1873/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai giữ nguyên quyết định 43/QĐ-UBND. Ngày 30/8/2018 ông L khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ 02 quyết định trên. Đây là quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Vụ án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 4 điều 32, khoản 1 điều 33 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện đảm bảo được quy định tại khoản 2 điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3]. Xét quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Về thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 và quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 là các quyết định giải quyết khiếu nại. Căn cứ điều 17,18 Luật khiếu nại Chủ tịch UBND xã T.A ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng thẩm quyền.

- Về căn cứ ban hành:

Trước khi dồn điền đổi thửa gia đình ông Nguyễn Trọng L có 10 thửa đất

được giao theo Nghị định 64/CP với diện tích là 2.748m² đã được UBND huyện B cấp GCNQSD đất số xêri A924833 và số xêri O 014273.

Trong quá trình dồn ghép ruộng ông L có cho con gái 02 thửa ruộng, diện tích 765m², đất thu hồi vào dự án 59,5m², 01 thửa không thuộc vùng dồn đổi số 202a tờ bản đồ số 01, diện tích 120m², diện tích đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi là 127m². Như vậy tổng diện tích còn lại của ông Nguyễn Trọng L đưa vào phương án dồn điền đổi thửa là 1.676,5m². Tiểu ban dồn điền đổi thửa Thôn Y.K đã giao cho ông L 02 thửa ở xứ đồng Ao làng là 1.103m², ở xứ đồng Chỗ là 574m². Ông L đã nhận đủ diện tích đất quỹ 1 (giao theo Nghị định 64) khi dồn điền đổi thửa và không thắc mắc khiếu nại gì.

Theo ông L trình bày ngoài diện tích đất Quỹ 1 được giao theo Nghị định 64/CP, ông còn khai hoang 02 sào đất từ năm 1980 gồm 01 sào đất tại thửa số 02 và 03 tờ bản đồ số 17, diện tích 360m² tại đầu cầu Suối Hai và 01 sào đất tại thửa 215 tờ bản đồ 12 diện tích thửa đất này trên tờ bản đồ ghi 1.690m² nhưng ông chỉ canh tác khoảng 360m². Khi dồn điền đổi thửa ông không được giao diện tích đất khai hoang này.

HĐXX thấy rằng: Theo hồ sơ địa chính do UBND xã T.A cung cấp, bản đồ địa chính năm 1991, tờ bản đồ số 17 thửa số 02,03 và tờ bản đồ số 12 thửa đất số 215 không ghi chủ sử dụng đất. UBND xã xác định đây là đất quỹ 2 UBND xã giao cho thôn quản lý nhưng do đất này là quỹ đất công khó giao, trước đây thôn để lại không giao cho ai. Trong suốt quá trình sử dụng đất ông L cũng không kê khai thửa đất này.

Trên tài liệu địa chính không ghi chủ sử dụng đất đối với các thửa đất ông L khai hoang, điều này cho thấy đất không giao cho dân canh tác mà thuộc đất công. Khi thực hiện dồn điền đổi thửa năm 2013 phương án dồn đổi là nhập ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn. Tiểu ban dồn điền đổi thửa đã giao cho hộ gia đình khác canh tác (không giao cho ông L). Chính vì vậy ông L cho rằng xã đã lấy đất nhưng không trả cho ông diện tích đất khác. Tuy nhiên ông L cũng thừa nhận đây là đất công ích, ông L không được giao mà tự sử dụng (khai hoang) đến khi thực hiện dồn điền đổi thửa.

Theo phương án dồn đổi các hộ dân đã thống nhất tại hội nghị ngày 09/12/2013, những diện tích đất quỹ 2, đất công, đất hoang hoá dồn lại 1 khu bàn giao về UBND xã quản lý. Như vậy ý kiến của nhân dân Thôn Y.K cũng đồng ý không giao lại cho hộ dân đã canh tác trước đây.

Việc giao đất công ích cho hộ dân được tiến hành trên cơ sở các quy định của pháp luật. Điều 132 Luật đất đai 2013 quy định về đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích như sau:

3. “Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 điều này thì UBND cấp xã cho hộ gia đình, cá nhân thuê để sản xuất nông

nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để cho thuê. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm....

4. Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn do UBND cấp xã nơi có đất quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Như vậy sau khi dồn điền đổi thửa, UBND xã T.A đã dồn đất quỹ 2 về 01 khu như ý kiến thống nhất của nhân dân Thôn Y.K. Tiểu ban dồn điền đổi thửa không giao đất quỹ 2 cho ông L là phù hợp với quy định Luật đất đai 2013. Ở đây Luật đất đai 2013 đã quy định rõ về việc giao đất công ích phải thực hiện theo hình thức đấu giá để cho thuê. Ông L cho rằng UBND xã khi lấy đất công ích ông đang canh tác vào phương án dồn điền đổi thửa thì phải giao cho ông phần đất khác như đối với đất được giao theo Nghị định 64/CP là không được chấp nhận.

Tại phiên toà ông L trình bày đất của ông sử dụng trước 1/7/2004 không có giấy tờ nhưng đất ông khai hoang vẫn đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 4 điều 22 Nghị định 43/2014. Theo đó tại khoản 4 điều 22 nghị định 43 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được nhà nước công nhận QSD đất theo hạn mức do UBND cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do UBND cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê”*. Ở đây khi xem xét để công nhận diện tích đất khai hoang cơ quan nhà nước cũng phải xem xét đất phù hợp với quy hoạch. Ông L đã được UBND huyện B cấp GCNQSD đất theo Nghị định 64, khi đó ông không thắc mắc hay đề nghị hoặc kê khai gì đối với diện tích đất khai hoang. Đến năm 2018 ông mới khiếu nại về việc giao thiếu đất quỹ 2 cho ông. Lúc này đất đã được quy hoạch để dồn điền đổi thửa, ông không còn canh tác tại thửa đất này nữa. Nhà nước chỉ xem xét cấp GCN khi cá nhân, hộ gia đình ***đang sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch***. Nay ông L không còn canh tác, đất đã giao cho người khác theo phương án dồn đổi nhưng lại cho rằng vẫn được nhà nước công nhận quyền sử dụng để yêu cầu Ủy ban phải thực hiện xem xét giao đất khác cho ông là không có cơ sở.

UBND xã T.A cũng như UBND huyện B khi giải quyết khiếu nại của ông L đã xác định nguồn gốc đất ông L yêu cầu giải quyết là đất công ích và khi thực hiện dồn điền đổi thửa không giao lại căn cứ theo quy định tại khoản 3 điều 132 Luật đất đai 2013 là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu của người khởi kiện đề nghị hủy quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 và quyết định 1873/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 không được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông L không phải chịu án phí HCST;

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 3; điều 32, 33, 116, 143, 193, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính

Căn cứ điều 132 Luật đất đai năm 2013; điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày ; điều 17, điều 18 Luật khiếu nại,

Căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng L về việc:

- Hủy quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Chủ tịch UBND xã T.A;

- Hủy quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng L không phải chịu án phí HCST.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuý Linh